TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST – DS	*Yên Phong, ngày 16 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 127/2023/TLST – DS ngày 11/12/2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V1234,

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng Long, chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Quang Tú, ông Trần Ngọc Sơn, bà Nguyễn Thị Hằng Nga – Chuyên viên xử lý nợ pháp lý.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1978 và bà Ngô Thị Q, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bà Q đã ủy quyền cho ông T1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Xung, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1986;

Cùng trú tại: Thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Ông Xung, bà Hạnh đã ủy quyền cho ông T1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Q phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1234 tổng số nợ gốc và lãi tại 06 Hợp đồng tín dụng (Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101143282575 ký ngày 20/01/2021 (Khế ước nhận nợ ngày 24/01/2022); Hợp đồng cho vay số LN2204135565889 ký ngày 19/04/2022; Hợp đồng cho vay số LN2104223649906 ký ngày 27/04/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010241/202109 ngày 16/09/2021; Hợp đồng cho vay số LD2125901036 ngày 16/09/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13/01/2021) tính đến hết 04/02/2024 là:

Nợ gốc: 3.124.681.379 đồng; lãi phải trả: 926.336.222 đồng; lãi chậm trả: 69.326.655 đồng.

Tổng số: **4.120.344.256 đồng** (Bốn tỷ, một trăm hai mươi triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm lăm mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Q phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 05/02/2024 đến khi tất toán khoản vay tại 06 Hợp đồng tín dụng (Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101143282575 ký ngày 20/01/2021 (Khế ước nhận nợ ngày 24/01/2022); Hợp đồng cho vay số LN2204135565889 ký ngày 19/04/2022; Hợp đồng cho vay số LN2104223649906 ký ngày 27/04/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010241/202109 ngày 16/09/2021; Hợp đồng cho vay số LD2125901036 ngày 16/09/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13/01/2021) được ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1234 với ông T1, bà Q.

2.2. Trường hợp ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V1234 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cụ thể:

+ Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 178, tờ bản đồ số 21, diện tích 76.0m^2 tại địa chỉ: Thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 546466, Số vào sổ cấp GCN: CH000104 do UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 16/7/2014 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Q.

+ Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản tài sản khác gắn liền với đất số 651, tờ bản đồ số -/-, diện tích 334.0m^2, tại địa chỉ: Thôn Thọ Đức, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S870333, số vào sổ cấp GCN: 00333/QSDĐ/226 do UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 24/5/2001 mang tên ông Nguyễn Văn Tỳ. Ngày 05/01/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị Q.

+ Tài sản 3: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản tài sản khác gắn liền với đất số 230, tờ bản đồ số 22, diện tích 284.0m^2 tại địa chỉ: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 165136, số vào sổ cấp GCN:CS 00371 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 21/7/2021 cho ông Nguyễn Văn Xung.

Trường hợp phát mại tài sản trên mà không đủ thanh toán cho khoản vay thì ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Q phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị Q phải chịu 56.060.000đ (Năm mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V1234 56.680.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002197 ngày 07/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS.